

Bản án số: **133/2023/DS-ST**

Ngày: 09 - 10 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hương Lan.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phương Nam và bà Hoàng Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham, tỉnh Thừa Thiên Huế gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 331/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (Viết tắt: JIVF).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông TANIGUCHI NOBORU, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý công nợ (Theo văn bản ủy quyền số 59/2022/UQ-JIVF ngày 06 tháng 12 năm 2022); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1998; Địa chỉ: A N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; Địa chỉ: A N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Quang Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ A, khu V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 22/12/2021, Công ty T1 (sau đây viết tắt là: JIVF) và anh Dương Quang Đ đã ký hợp đồng cho vay tiêu dùng số 930480002283561000 với số tiền

vay gồm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Mục đích vay: để mua sản phẩm nội thất/gia dụng, theo hình thức trả góp. Cụ thể:

- * Phương thức trả nợ: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- * Số tiền thanh toán mỗi kỳ (Gốc + Lãi + phí): 3.184.500 đồng.

- * Nguyên tắc tính lãi:

- Lãi suất thỏa thuận theo tháng: 3,8700%/tháng.

- Lãi suất thỏa thuận theo năm: 46,4400%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Số tiền tính lãi: Số ngày tính lãi x Dư nợ gốc x Lãi suất/365.

- Số tiền tính lãi quá hạn: Số ngày trễ hạn x Số tiền tính lãi x Lãi suất/365

(Chỉ tính lãi quá hạn đối với những ngày trễ hạn từ 4 ngày trở lên).

- * Phí quản lý khoản vay: 12.000 đồng/Kỳ thanh toán.

- * Thời hạn cho vay: 12 tháng.

- * Phương thức cho vay: Vay từng lần.

- * Thời điểm thanh toán: Vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng (Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên ngày 24/01/2022, ngày đến hạn trả nợ cuối kỳ ngày 22/12/2022 (Dự kiến).

Ngày 22/12/2021, JIVF đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng cho anh Đ. Từ ngày 24 /01/2022 cho đến ngày 31/5/2022, anh Đ đã thanh toán cho JIVF số tiền là 12.860.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 8.540.926 đồng, lãi là 4.168.667 đồng, lãi quá hạn là 102.407 đồng, phí quản lý khoản vay là 48.000 đồng); từ sau ngày 31/5/2022 đến nay, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh. Việc anh Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3, Điều 8 của hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết ngày 22/12/2021, đồng thời vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF. Tính đến ngày 09/10/2023, anh Đ còn nợ JIVF tổng số tiền là 36.045.071 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 21.459.074 đồng; nợ lãi là 11.084.807 đồng; lãi quá hạn là 3.405.190 đồng, phí quản lý khoản vay là: 96.000 đồng).

Nay, JIVF khởi kiện buộc anh Đ phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ nói trên và tiếp tục thanh toán cho JIVF tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 10/10/2023 cho đến khi hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn là anh Dương Quang Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Đ trong thời hạn theo luật định nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ theo địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp để anh Đ đến làm việc cũng như để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh Đ không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định pháp luật.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Đối với nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến lần thứ hai những vẫn cố tình vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

-Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Quang Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty T1 số tiền là 36.045.071 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 21.459.074 đồng; lãi là 11.084.807 đồng; lãi quá hạn là 3.405.190 đồng, phí quản lý khoản vay là: 96.000 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại

phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bị đơn là anh Dương Quang Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 22/12/2021, Công ty T1 J và anh Dương Quang Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số 930480002283561000, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các Điều 385, 398 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên đây là quan hệ dân sự hợp pháp, hợp đồng trên có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 20/01/2022, Công ty T1 đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng cho anh Đ. Từ ngày 28/01/2022 đến hết ngày 31/5/2022, anh Đ mới thanh toán cho Công ty

T1 Jaccs số tiền 12.860.000 đồng, sau đó anh Đ đã không tiếp tục thanh toán nữa. Mặc dù Công ty T1 thường xuyên liên hệ để yêu cầu anh Đ tiếp tục thanh toán khoản nợ nhưng anh Đ cố tình lẩn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 3, Điều 8 của hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó, Công ty T1 Jaccs khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đ phải thanh toán khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 09/10/2023 là số tiền là 36.045.071 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 21.459.074 đồng; lãi là 11.084.807 đồng; lãi quá hạn là 3.405.190 đồng, phí quản lý khoản vay là: 96.000 đồng) và tiếp tục thanh toán cho JIVF tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 09/10/2023 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Dương Quang Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 36.045.071 đồng \times 5% = 1.802.254 đồng (làm tròn 1.802.000 đồng).

- Hoàn trả cho Công ty T1 Jaccs số tiền tạm ứng án phí mà Công ty T1 đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng các Điều 385, 398, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

1. Buộc anh Dương Quang Đ phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ tính đến ngày 09/10/2023 là: 36.045.071 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 21.459.074 đồng; lãi là 11.084.807 đồng; lãi quá hạn là 3.405.190 đồng, phí quản lý khoản vay là: 96.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 10/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Quang Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 930480002283561000 ngày 22/12/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Dương Quang Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.802.254 đồng (làm tròn 1.802.000 đồng).

Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 887.000 đồng (Tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006394 ngày 22/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN HƯƠNG LAN